

Số: 57 /KH-TVD

Uông Bí, ngày 25 tháng 1 năm 2024

KẾ HOẠCH

Quản lý rủi ro năm 2024

Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-VINACOMIN

(Thực hiện theo Quy chế Quản lý và phòng ngừa rủi ro của TKV ban hành kèm theo Quyết định số 1818/QĐ-TKV ngày 17/10/2019 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam)

Căn cứ Quyết định số 1818/QĐ-TKV ngày 17/10/2019 của Chủ tịch HĐQT-TKV “V/v ban hành Quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam”; Quyết định số 1636/QĐ-TVD ngày 26/9/2020 của Chủ tịch HĐQT-TVD “V/v ban hành Quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro của Công ty CP Than Vàng Danh-Vinacomin”; Công văn số 4986/TKV-KP ngày 15/10/2020 của Tổng Giám đốc TKV “V/v hướng dẫn chi tiết xây dựng kế hoạch quản lý rủi ro”; Công văn số 3714/TKV-KH ngày 02/8/2023 của Tập đoàn về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2024.

Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-VINACOMIN (viết tắt là Công ty) xây dựng Kế hoạch Quản lý rủi ro năm 2024, cụ thể như sau:

I – DANH MỤC VÀ KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỦI RO (KHẨU VỊ RỦI RO) NĂM 2024:

1. Quản lý rủi ro về kết quả sản xuất kinh doanh:

a) *Né tránh rủi ro (Công ty không chấp nhận)* đối với rủi ro có tác động dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty theo Kế hoạch phối hợp kinh doanh với TKV, không có lợi nhuận (bị lỗ) theo kế hoạch được duyệt mà không xuất phát từ các nguyên nhân bất khả kháng.

b) *Giảm thiểu rủi ro (Công ty có mức độ chấp nhận rủi ro trung bình)* đối với rủi ro có tác động dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty theo Kế hoạch phối hợp kinh doanh với TKV, không có lợi nhuận (hòa vốn) hoặc lợi nhuận không đạt mức theo kế hoạch được duyệt.

c) Không áp dụng các phương án: chuyển giao rủi ro hoặc chấp nhận rủi ro.

2. Quản lý rủi ro về tuân thủ pháp luật:

a) *Né tránh rủi ro (Công ty không chấp nhận)* đối với:

- Các hành vi vi phạm pháp luật, không tuân thủ và chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về thuế và các khoản thu nộp ngân sách, các chế độ báo cáo tài chính, giám sát tài chính và các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty với lỗi cố ý, chủ quan.

- Những hành vi lừa đảo, gian lận, tham nhũng, tài trợ khủng bố, có hoạt động thương mại/hợp tác với các đối tác thuộc đối tượng bị cấm vận.

b) *Giảm thiểu rủi ro (Công ty có mức độ chấp nhận rủi ro trung bình)* đối với việc vi phạm pháp luật, không tuân thủ và chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về thuế và các khoản thu nộp ngân sách,

[Chữ ký]

[Chữ ký]

các chế độ báo cáo tài chính, giám sát tài chính và các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty với lỗi vô ý, khách quan.

c) Không áp dụng các phương án: chuyển giao rủi ro hoặc chấp nhận rủi ro.

3. Quản lý rủi ro về nhân sự, lao động:

a) **Né tránh rủi ro (Công ty không chấp nhận)** đối với tuyển dụng nhân sự không đáp ứng yêu cầu (rủi ro hồ sơ ứng viên làm giả học vấn, bằng cấp; rủi ro kiểm tra chưa kỹ giấy chứng nhận sức khỏe).

b) **Giảm thiểu rủi ro (Công ty có mức độ chấp nhận rủi ro trung bình)** đối với tình trạng Thợ lò xin chấm dứt Hợp đồng lao động có chiều hướng tăng (trong khi tuyển sinh đào tạo Thợ lò lại có chiều hướng giảm) dẫn tới nguy cơ thiếu hụt lao động, làm ảnh hưởng tới việc tăng sản lượng mỏ.

c) Không áp dụng các phương án: chuyển giao rủi ro hoặc chấp nhận rủi ro.

4. Quản lý rủi ro về tài chính:

4.1. Quản lý rủi ro nợ xấu:

a) **Né tránh rủi ro (Công ty không chấp nhận)** đối với rủi ro gây ảnh hưởng xấu tới tình hình tài chính của Công ty có tác động dẫn đến chỉ tiêu Nợ/Vốn Chủ sở hữu > hệ số TKV giao năm 2024 và Công ty mất khả năng thanh toán.

b) **Giảm thiểu rủi ro (Công ty có mức độ chấp nhận rủi ro trung bình)** đối với rủi ro gây ảnh hưởng xấu tới tình hình tài chính của Công ty có tác động dẫn đến chỉ tiêu Nợ/Vốn Chủ sở hữu $\leq$ hệ số TKV giao năm 2024 nhưng Kiểm toán BCTC nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty chưa có kế hoạch thu xếp đủ nguồn vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư và trả nợ vay trong năm.

c) Không áp dụng các phương án: chuyển giao rủi ro hoặc chấp nhận rủi ro.

4.2. Quản lý rủi ro thất thoát:

a) **Né tránh rủi ro (Công ty không chấp nhận)** đối với các rủi ro liên quan đến các hành vi gian lận, tham ô, làm thất thoát tài sản của Công ty như gian lận chứng từ, sổ sách rút ruột tiền, lấy trộm tiền quỹ của Công ty, lập chứng từ khống mua tài sản nhưng thực tế không mua...

b) **Giảm thiểu rủi ro (Công ty có mức độ chấp nhận rủi ro trung bình)** đối với các rủi ro liên quan đến hành vi thiếu trách nhiệm, không hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao, quản lý vật tư, tài sản không tốt dẫn đến làm hư hỏng, thất thoát vật tư, tài sản của Công ty; và các rủi ro khách quan khác làm thất thoát tài sản của Công ty.

c) Không áp dụng các phương án: chuyển giao rủi ro hoặc chấp nhận rủi ro.

4.3. Quản lý rủi ro hợp đồng:

a) **Né tránh rủi ro (Công ty không chấp nhận)** đối với các rủi ro liên quan đến việc thực hiện hợp đồng không đúng với quy định của HSMT, HSCG mà chính những tiêu chí không đúng đó đã loại các nhà thầu, nhà cung cấp khác cùng tham gia chào thầu, chào giá.

b) **Giảm thiểu rủi ro (Công ty có mức độ chấp nhận rủi ro trung bình)** đối với rủi ro liên quan đến các vấn đề ký kết hợp đồng không đúng hình thức, không tuân thủ quy định của Công ty, TKV và các yêu cầu pháp lý liên quan (các điều khoản trong hợp đồng thiếu chặt chẽ gây bất lợi về mặt chất lượng, tiến độ, nghiệm thu, thanh toán, bảo hành... thậm chí hợp đồng bị vô hiệu; các điều khoản ký kết trái với quy định của HSMT, HSCG trừ khi được thỏa thuận của các bên).

c) Không áp dụng các phương án: chuyển giao rủi ro hoặc chấp nhận rủi ro.

5. Quản lý rủi ro về chiến lược phát triển:




a) **Giảm thiểu rủi ro (Công ty có mức độ chấp nhận rủi ro trung bình)** đối với rủi ro mà có thể gây ra việc Công ty thực hiện không đạt hoặc bị chậm đối với các chỉ tiêu trong Đề án tái cơ cấu của Công ty đã được phê duyệt mà không xuất phát từ các nguyên nhân bất khả kháng, không tuân thủ theo định hướng phát triển, Đề án tái cơ cấu và mô hình mẫu của TKV.

b) Không áp dụng các phương án: né tránh rủi ro, chuyển giao rủi ro hoặc chấp nhận rủi ro.

6. Quản lý rủi ro về hoạt động:

6.1. Quản lý rủi ro về đầu tư

a) **Né tránh rủi ro (Công ty không chấp nhận)** đối với rủi ro về:

- Các hành vi gian dối, cố tình lập không, lập sai HSMT, HSDT, thông thầu, dung túng cho nhà thầu không đủ năng lực thi công để thực hiện gói thầu trái pháp luật.

b) **Giảm thiểu rủi ro (Công ty có mức độ chấp nhận rủi ro trung bình)** đối với rủi ro về:

- Khảo sát, lập kế hoạch đầu tư không đúng/không phù hợp với thực tế, thẩm định về tính khả thi, hiệu quả của dự án đầu tư, lựa chọn sai hình thức lựa chọn nhà thầu; lập kế hoạch đầu tư có chi phí quá thấp hoặc quá cao so với thực tế, dự toán thiếu cơ sở, tổng mức đầu tư không sát với thực tế.

- Tổ chức đấu thầu khi không có nhà thầu tham dự thầu hoặc không lựa chọn được nhà thầu; chất lượng lập HSMT, HSYC, quá trình đánh giá HSDT và thẩm định quá trình lựa chọn nhà thầu làm ảnh hưởng đến kết quả lựa chọn nhà thầu...

c) Không áp dụng các phương án: chuyển giao rủi ro hoặc chấp nhận rủi ro.

6.2. Quản lý rủi ro về vật tư

a) **Giảm thiểu rủi ro (Công ty có mức độ chấp nhận rủi ro trung bình)** đối với rủi ro về:

- Kế hoạch nhu cầu vật tư của Công ty lập chưa phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh, các quy định hướng dẫn của Công ty và TKV dẫn tới kế hoạch mua sắm không đúng với nhu cầu sản xuất, gây thừa/thiếu vật tư...

- Lựa chọn Nhà cung cấp không phù hợp, kịp thời với yêu cầu về thời gian, chất lượng và giá hoặc không tuân thủ quy định về lựa chọn Nhà cung cấp vật tư của Công ty và TKV dẫn tới có thể hợp tác với Nhà cung cấp bị cấm, vi phạm pháp luật...

b) Không áp dụng các phương án: né tránh rủi ro, chuyển giao rủi ro hoặc chấp nhận rủi ro.

II – XÁC ĐỊNH KHẢ NĂNG XẢY RA CÁC RỦI RO:

Xếp hạng rủi ro	Khả năng xảy ra	Mô tả khả năng xảy ra
Mức 4	Rất cao	- Đã xảy ra hằng năm tại Công ty và có thể tiếp tục xảy ra nhiều lần trong tương lai dù thiết lập những kiểm soát hiện tại
Mức 3	Cao	- Rủi ro chung của ngành hoặc của nền kinh tế kể cả khi chưa xảy ra tại Công ty và có thể xảy ra trong tương lai; hoặc - Rủi ro đã xảy ra 1-2 năm/lần hoặc tại >5 dự án
Mức 2	Trung bình	- Rủi ro có thể xảy ra, nhưng các kiểm soát hiện tại đủ để quản trị rủi ro; hoặc - Rủi ro đã xảy ra 3-5 năm/lần hoặc tại 3-5 dự án
Mức 1	Thấp	- Rủi ro hiếm khi hoặc hầu như không xảy ra; hoặc - Rủi ro đã xảy ra >5 năm/lần hoặc tại <3 dự án

thl

huat

III – XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC RỦI RO:

1. Mức độ ảnh hưởng của rủi ro về kết quả sản xuất kinh doanh

Xếp hạng rủi ro	Mức độ ảnh hưởng	Tiêu chí xác định
Mức 4	Rất nghiêm trọng	- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh không có lợi nhuận (bị lỗ) theo kế hoạch được duyệt mà không xuất phát từ các nguyên nhân bất khả kháng, khách quan của Công ty.
Mức 3	Nghiêm trọng	- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh không có lợi nhuận (hòa vốn) theo kế hoạch được duyệt mà không xuất phát từ các nguyên nhân bất khả kháng, khách quan của Công ty.
Mức 2	Trung bình	- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh lợi nhuận đạt từ trên mức hòa vốn đến dưới 80% theo kế hoạch được duyệt mà không xuất phát từ các nguyên nhân bất khả kháng, khách quan của Công ty.
Mức 1	Không đáng kể	- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh lợi nhuận đạt từ 80% đến dưới 100% theo kế hoạch được duyệt mà không xuất phát từ các nguyên nhân bất khả kháng, khách quan của Công ty.

2. Mức độ ảnh hưởng của rủi ro về tuân thủ pháp luật

Xếp hạng rủi ro	Mức độ ảnh hưởng	Tiêu chí xác định
Mức 4	Rất nghiêm trọng	- Không tuân thủ quy định pháp luật dẫn đến nguy cơ dừng hoạt động nếu không có biện pháp điều chỉnh kịp thời; hoặc - Truy tố hình sự đối với các nhân sự cấp cao của Công ty (TVHĐQT, TBKS, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng)
Mức 3	Nghiêm trọng	- Phát sinh các vụ kiện ở nước ngoài mà Công ty là bị đơn, gây thiệt hại về uy tín, nghĩa vụ vật chất cho Công ty; hoặc - Truy tố hình sự đối với các nhân sự quản lý thuộc Công ty (Trưởng, phó phòng chuyên môn của Công ty)
Mức 2	Trung bình	- Có văn bản của các cơ quan có thẩm quyền về việc vi phạm các quy định của pháp luật; hoặc - Phát sinh các vụ kiện trong nước mà Công ty là bị đơn; hoặc - Truy tố hình sự đối với các nhân sự còn lại thuộc Công ty; hoặc - Bị phạt xử lý vi phạm hành chính.
Mức 1	Không đáng kể	- Thông báo nhắc nhở việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật của các Cơ quan có thẩm quyền.

3. Mức độ ảnh hưởng của rủi ro về nhân sự, lao động

Xếp hạng rủi ro	Mức độ ảnh hưởng	Tiêu chí xác định
Mức 4	Rất nghiêm trọng	- Tuyển dụng nhân sự không đáp ứng yêu cầu (rủi ro hồ sơ ứng viên làm giả học vấn, bằng cấp; rủi ro kiểm tra chưa kỹ giấy chứng nhận sức khỏe); - Không đủ nhân sự, lao động để duy trì, đảm bảo hoạt động thường xuyên liên tục.
Mức 3	Nghiêm trọng	- Có đủ số lao động cần thiết để duy trì hoạt động liên tục nhưng trình độ, chuyên môn chưa đáp ứng được yêu cầu theo kế hoạch.
Mức 2	Trung bình	- Có đủ nhân sự, lao động với yêu cầu về chuyên môn, tay nghề cần thiết nhưng chưa có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng lao động đối với một số nghề đặc thù để bổ sung/thay thế.
Mức 1	Không đáng kể	- Có đủ nhân sự, lao động với yêu cầu về chuyên môn, tay nghề cần thiết nhưng chưa có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ.

4. Mức độ ảnh hưởng của rủi ro về tài chính

4.1. Mức độ ảnh hưởng của rủi ro nợ xấu

Xếp hạng rủi ro	Mức độ ảnh hưởng	Tiêu chí xác định
Mức 4	Rất nghiêm trọng	- Chỉ tiêu Nợ/Vốn Chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính (BCTC) của Công ty > hệ số TKV giao năm 2024 và Công ty mất khả năng thanh toán; hoặc - Khách hàng chậm thanh toán theo quy định của Hợp đồng từ 181 ngày trở lên.
Mức 3	Nghiêm trọng	- Chỉ tiêu Nợ/Vốn Chủ sở hữu trên BCTC của Công ty ≤ hệ số TKV giao năm 2024 nhưng Kiểm toán BCTC nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục của Công ty; hoặc - Khách hàng chậm thanh toán theo quy định của Hợp đồng từ 91 ngày đến 180 ngày.
Mức 2	Trung bình	- Chỉ tiêu Nợ/Vốn Chủ sở hữu trên BCTC của Công ty ≤ hệ số TKV giao năm 2024 nhưng Công ty chưa có kế hoạch thu xếp đủ nguồn vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư và trả nợ vay trong năm; hoặc - Khách hàng chậm thanh toán theo quy định của Hợp đồng từ 10 ngày đến 90 ngày.
Mức 1	Không đáng kể	- Khách hàng chậm thanh toán theo quy định của Hợp đồng không quá 10 ngày.

4.2. Mức độ ảnh hưởng của rủi ro thất thoát

Xếp hạng rủi ro	Mức độ ảnh hưởng	Tiêu chí xác định
Mức 4	Rất nghiêm trọng	- Các hành vi gian lận, tham ô, làm thất thoát tài sản của Công ty như gian lận chứng từ, sổ sách rút ruột tiền, lấy trộm tiền quỹ của Công ty, lập chứng từ khống mua tài sản nhưng thực tế không mua... gây thiệt hại về tài sản và uy tín của Công ty.
Mức 3	Nghiêm trọng	- Các hành vi thiếu trách nhiệm, không hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao, quản lý vật tư, tài sản không tốt dẫn đến tổn thất vật tư, tài sản của Công ty với giá trị thiệt hại lớn và/hoặc sai sót có tính hệ thống, lặp lại.
Mức 2	Trung bình	- Các hành vi thiếu trách nhiệm, không hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao, quản lý vật tư, tài sản không tốt dẫn đến tổn thất vật tư, tài sản của Công ty.
Mức 1	Không đáng kể	- Thất thoát tài sản của Công ty do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng nhưng có liên đới đến trách nhiệm quản lý.

4.3. Mức độ ảnh hưởng của rủi ro hợp đồng

Xếp hạng rủi ro	Mức độ ảnh hưởng	Tiêu chí xác định
Mức 4	Rất nghiêm trọng	- Thực hiện hợp đồng không đúng với quy định của HSMT, HSCG mà chính những tiêu chí không đúng đó đã loại các nhà thầu, nhà cung cấp khác cùng tham gia chào thầu, chào giá.
Mức 3	Nghiêm trọng	- Hợp đồng bị vô hiệu (toàn bộ, từng phần) và/hoặc có điều khoản thiếu chặt chẽ gây bất lợi cho Công ty làm phát sinh tranh chấp dẫn tới thiệt hại lớn về tài sản và ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động SXKD, uy tín của Công ty. - Các điều khoản ký kết trái với quy định của HSMT, HSCG mà chưa được các bên thỏa thuận.

[Signature]

[Signature]

Mức 2	Trung bình	- Hợp đồng bị vô hiệu (toàn bộ, từng phần) và/hoặc có điều khoản thiếu chặt chẽ gây bất lợi cho Công ty làm phát sinh tranh chấp dẫn tới thiệt hại cho Công ty.
Mức 1	Không đáng kể	- Hợp đồng có điều khoản thiếu chặt chẽ tuy chưa đến mức xảy ra tranh chấp nhưng có ảnh hưởng tới quá trình thực hiện.

5. Mức độ ảnh hưởng của rủi ro về chiến lược phát triển

Xếp hạng rủi ro	Mức độ ảnh hưởng	Tiêu chí xác định
Mức 4	Rất nghiêm trọng	- Định hướng hoạt động liên quan đến việc thực hiện các chỉ tiêu tái cơ cấu không phù hợp, không đúng mục tiêu theo Đề án tái cơ cấu Công ty được phê duyệt.
Mức 3	Nghiêm trọng	- Định hướng hoạt động liên quan đến việc thực hiện các chỉ tiêu tái cơ cấu phù hợp với Đề án tái cơ cấu Công ty nhưng cần phải điều chỉnh một số nội dung chi tiết.
Mức 2	Trung bình	- Định hướng hoạt động liên quan đến việc thực hiện các chỉ tiêu tái cơ cấu phù hợp với Đề án tái cơ cấu Công ty nhưng tiến độ thực hiện các công việc thuộc Đề án chậm hơn tiến độ được phê duyệt mà xuất phát chủ yếu từ các nguyên nhân chủ quan.
Mức 1	Không đáng kể	- Định hướng hoạt động liên quan đến việc thực hiện các chỉ tiêu tái cơ cấu phù hợp với Đề án tái cơ cấu Công ty nhưng tiến độ thực hiện các công việc thuộc Đề án chậm hơn tiến độ được phê duyệt mà xuất phát chủ yếu từ các nguyên nhân khách quan.

6. Mức độ ảnh hưởng của rủi ro về hoạt động

6.1. Mức độ ảnh hưởng của rủi ro về đầu tư

Xếp hạng rủi ro	Mức độ ảnh hưởng	Tiêu chí xác định
Mức 4	Rất nghiêm trọng	- Các hành vi gian dối, cố tình lập khống, lập sai HSMT, HSDT, thông thầu, dung túng cho nhà thầu không đủ năng lực thi công để thực hiện gói thầu trái pháp luật...
Mức 3	Nghiêm trọng	- Khảo sát, lập kế hoạch đầu tư không đúng/không phù hợp với thực tế, thẩm định về tính khả thi, hiệu quả của dự án đầu tư, lựa chọn sai hình thức lựa chọn nhà thầu; lập kế hoạch đầu tư có chi phí quá thấp hoặc quá cao so với thực tế, dự toán thiếu cơ sở, tổng mức đầu tư không sát với thực tế. - Không lựa chọn được nhà thầu do chất lượng HSMT, quá trình đánh giá HSDT và thẩm định quá trình lựa chọn nhà thầu làm ảnh hưởng đến kết quả lựa chọn nhà thầu.
Mức 2	Trung bình	- Nhà thầu tham gia chào thầu các dịch vụ, thiết bị, vật tư có chất lượng thấp, giá rẻ gây khó khăn cho quá trình lựa chọn nhà thầu cũng như ảnh hưởng đến tiến độ chất lượng thi công, sửa chữa, bảo dưỡng... - Sử dụng đất không đúng mục đích, quy hoạch.
Mức 1	Không đáng kể	- Hồ sơ nghiệm thu thiếu thông tin, có sự nhầm lẫn về khối lượng, có sự sai khác nhầm lẫn về số học với tổng giá trị nhỏ, không làm thay đổi chất lượng công trình và không phải là vi phạm cố ý làm giả làm trái quy định của pháp luật.

6.2. Mức độ ảnh hưởng của rủi ro về vật tư

Xếp hạng rủi ro	Mức độ ảnh hưởng	Tiêu chí xác định
Mức 4	Rất nghiêm trọng	- Việc lựa chọn nhà cung cấp không phù hợp, không tuân thủ quy định về lựa chọn nhà cung cấp vật tư của Công ty và TKV dẫn tới hợp tác với các nhà cung cấp bị cấm, vi phạm pháp luật hoặc thiếu năng lực nghiêm trọng trong thực hiện hợp đồng... có nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ các lỗi cố ý, chủ quan.
Mức 3	Nghiêm trọng	- Kế hoạch nhu cầu vật tư của Công ty lập chưa phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh, các quy định của Công ty và TKV dẫn tới kế hoạch mua sắm không đúng với nhu cầu sản xuất, gây thừa/thiếu nghiêm trọng lượng vật tư... mà nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ các lỗi cố ý, chủ quan. - Việc lựa chọn nhà cung cấp không phù hợp, không tuân thủ quy định về lựa chọn nhà cung cấp vật tư của Công ty và TKV làm ảnh hưởng đến hoạt động mua sắm, vật tư kém chất lượng, chưa rõ nguồn gốc... có nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ các lỗi cố ý, chủ quan.
Mức 2	Trung bình	- Kế hoạch nhu cầu vật tư của Công ty lập chưa phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh, các quy định của Công ty và TKV dẫn tới kế hoạch mua sắm bị ảnh hưởng, chưa sát với nhu cầu sản xuất, gây thừa/thiếu vật tư... mà nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ các lỗi cố ý, chủ quan. - Việc lựa chọn nhà cung cấp không phù hợp, không tuân thủ quy định về lựa chọn nhà cung cấp vật tư của Công ty và TKV mức độ ảnh hưởng tuy nhỏ nhưng có nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ các lỗi cố ý, chủ quan.
Mức 1	Không đáng kể	- Kế hoạch nhu cầu vật tư của Công ty lập chưa phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh, các quy định của Công ty và TKV dẫn tới kế hoạch mua sắm bị ảnh hưởng, chưa sát với nhu cầu sản xuất, có nguy cơ gây thừa/thiếu vật tư và nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ các lỗi vô ý, khách quan. - Việc lựa chọn nhà cung cấp không phù hợp, không tuân thủ quy định về lựa chọn nhà cung cấp vật tư của Công ty và TKV mức độ ảnh hưởng nhỏ và có nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ các lỗi vô ý, khách quan.




IV – XẾP HẠNG MỨC ĐỘ TRỌNG YẾU CỦA RỦI RO VÀ CHỈ DẪN HÀNH ĐỘNG TƯƠNG ỨNG (XỬ LÝ RỦI RO):

KHẢ NĂNG XẢY RA

4- Rất cao	2 (Vàng)	3 (Cam)		
3- Cao	2 (Vàng)	2 (Vàng)	3 (Cam)	
2- Trung bình	1 (Xanh)	2 (Vàng)	3 (Cam)	3 (Cam)
1- Thấp	1 (Xanh)	1 (Xanh)	2 (Vàng)	3 (Cam)

1-Không đáng kể 2-Trung bình 3-Nghiêm trọng 4-Rất nghiêm trọng

MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG

hết

thực

Màu sắc và xếp hạng trên ma trận rủi ro thể hiện mức độ trọng yếu của rủi ro (mức độ ảnh hưởng) và các chỉ dẫn xử lý rủi ro tương ứng như sau:

Xếp hạng rủi ro	Màu sắc	Mức độ trọng yếu	Chỉ dẫn hành động
Mức 4		Rất cao	(i) Báo cáo Giám đốc Công ty ngay kế hoạch dự kiến hành động quản trị rủi ro để trình Hội đồng quản trị phương án xử lý, chỉ đạo giải quyết. (ii) Yêu cầu thực hiện ngay các bước thuộc kế hoạch hành động quản trị rủi ro sau khi được phê duyệt. (iii) Vòng bảo vệ 01 (<i>các Phòng ban chuyên môn</i>) thực hiện việc triển khai hành động. Vòng bảo vệ 02 (<i>Bộ phận Pháp chế-QLRR Phòng KB phối hợp với Phòng KH</i>) rà soát, cập nhật tính khả thi/hiệu quả trong quá trình thực hiện và hỗ trợ Vòng bảo vệ 01. Vòng bảo vệ 03 (<i>Bộ phận TT-GS-KTNB Phòng KB</i>) thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát.
Mức 3	Cam	Cao	(i) Yêu cầu chuẩn bị sẵn sàng kế hoạch hành động quản trị rủi ro để sẵn sàng trình phê duyệt, áp dụng khi sự kiện/tình huống rủi ro xảy ra. (ii) Báo cáo Giám đốc Công ty về kế hoạch hành động để xem xét và có ý kiến chỉ đạo. (iii) Vòng bảo vệ 01 thực hiện việc xây dựng kế hoạch hành động, Vòng bảo vệ 02 đánh giá tính khả thi và tham gia hỗ trợ Vòng bảo vệ 01, Vòng bảo vệ 03 cập nhật thông tin, theo dõi.
Mức 2	Vàng	Trung bình	(i) Các kiểm soát/biện pháp xử lý rủi ro đã thiết lập được tiếp tục thực hiện và có đánh giá để điều chỉnh theo diễn biến thực tế. (ii) Vòng bảo vệ 01 thực hiện các biện pháp xử lý rủi ro, Vòng bảo vệ 02 thực hiện hỗ trợ, giám sát gián tiếp và cập nhật thông tin.
Mức 1	Xanh	Thấp	(i) Không có nguy cơ lớn và được quản lý bằng những thủ tục kiểm soát trong quy trình hiện có. (ii) Vòng bảo vệ 01 cập nhật tình hình, tổng hợp kết quả triển khai để xem xét điều chỉnh các thủ tục kiểm soát trong quy trình phù hợp với dự báo.

V - TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Kế hoạch quản lý rủi ro năm 2024 của Công ty được tích hợp và gắn với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024. Hội đồng quản trị Công ty giao cho Giám đốc Công ty chỉ đạo các Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng, Quản đốc các đơn vị tổ chức thực hiện Kế hoạch đảm bảo theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, lĩnh vực quản lý phù hợp với Quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty với mục tiêu giảm thiểu tới mức thấp nhất những rủi ro và thiệt hại có thể xảy ra trong hoạt động SXKD của Công ty.

2. Đối với các rủi ro không có trong Kế hoạch được quản lý, quản trị bằng những thủ tục kiểm soát trong quy trình hiện có (*theo các quy định của pháp luật, của TKV, Quy chế, Quy định, Quy trình, Cơ chế điều hành, Các giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành kế hoạch SXKD của Công ty, các chương trình, kế hoạch trong các lĩnh vực quản lý: kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư, tuyển dụng lao động...*) các Phòng ban chuyên môn theo

[Signature]

[Signature]

chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp xây dựng phương án xử lý rủi ro kịp thời báo cáo Lãnh đạo Công ty xem xét quyết định xử lý.

3. Về cách thức thực hiện: Các Phòng ban chuyên môn, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ (các Vòng bảo vệ) và theo nội dung Kế hoạch thường xuyên thực hiện rà soát, nhận diện, phân tích, định mức các rủi ro thuộc lĩnh vực quản lý, trong đó đối với mỗi rủi ro cần xác định được cấp độ khả năng xảy ra và mức độ ảnh hưởng để từ đó xác định mức độ trọng yếu của rủi ro và triển khai thực hiện các chỉ dẫn hành động (mục IV).

4. Trên cơ sở các Quy chế/Quy định/Quy trình/Văn bản về quản trị rủi ro và Kế hoạch này các phòng ban, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tham mưu Lãnh đạo Công ty thực hiện quản trị, quản lý được toàn bộ các rủi ro phát sinh trong hoạt động SXKD của Công ty. Cụ thể triển khai một số nội dung sau:

- Tiếp tục thực hiện việc rà soát, nhận diện đầy đủ danh mục các rủi ro, phân loại các rủi ro một cách hợp lý nhất để đưa vào quản trị. Đối với mỗi rủi ro phải mô tả được các đặc điểm nhận biết, đánh giá được các mức độ thiệt hại nếu xảy ra... từ đó tham mưu thiết lập và hoàn thiện được các thủ tục kiểm soát, hoàn thiện các quy trình quản lý, các Quy chế/Quy định/Văn bản thuộc lĩnh vực đơn vị tham mưu ban hành, nghiên cứu xây dựng, chuẩn bị các phương án/biện pháp xử lý rủi ro.

- Tiếp tục tham mưu xây dựng, hoàn thiện các Quy trình quản lý rủi ro thuộc các lĩnh vực chuyên môn của Phòng phụ trách và đối với danh mục rủi ro đã được xác định, đảm bảo mục tiêu giảm thiểu rủi ro và thiệt hại có thể xảy ra trong hoạt động SXKD của Công ty. Quy trình QLRR khi xây dựng phải bám sát Quy trình khung Công ty đã ban hành (kèm theo Quy chế QLRR) và các Quy trình QLRR thuộc các lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Tập đoàn và thời gian yêu cầu.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ (6 tháng, cả năm) về công tác quản lý và phòng ngừa rủi ro với Tập đoàn. Kết quả thực hiện công tác quản lý và phòng ngừa rủi ro phải được tích hợp vào hệ thống báo cáo quản trị nội bộ của Công ty, các phòng ban/cá nhân chủ trì lập các báo cáo quản trị nội bộ của Công ty phải tham mưu thực hiện việc tích hợp này đảm bảo quy định của Tập đoàn.

5. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch nếu có vướng mắc, các phòng ban, đơn vị, cá nhân báo cáo bằng văn bản gửi về Công ty (qua Phòng KH và/hoặc Bộ phận TT-PC-KTNB Phòng KB) để tổng hợp trình Lãnh đạo Công ty xem xét điều chỉnh cho phù hợp. /*em*

Nơi nhận: *PRH*

- Tập đoàn CN Than-KS Việt Nam (B/c);
- HĐQT; BKS; BGĐ;
- Đảng ủy; Công đoàn; Đoàn TN;
- Các đơn vị trong Công ty (t/h);
- Lưu: VT, KB.



Nguyễn Trọng Tốt